

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

TK,ĐK: 8.

CK: 3

Môn học : Grammar 2 - MH1105025

Mã lớp học phần: 24311MH110502501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 25/6/25 Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<i>Đạt</i>	8.8	Tạm tạm	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<i>Trần</i>	6.8	Sau, tạm	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	C26TA	<i>Huy</i>	7.0	Bây	
4	2410130031	Lâm Quốc	Huy	24/05/2006	C26TA	<i>Huy</i>	5.0	Năm	
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<i>Huy</i>	5.0	Năm	
6	2410130033	Võ Khai	Huy	22/07/2006	C26TA	<i>Huy</i>	8.8	Tạm, tạm	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<i>Huỳnh</i>	6.0	Sau	
8	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<i>Hỷ</i>	5.0	Năm	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<i>Mỹ</i>	8.0	Tạm	
10	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<i>Đặng</i>	8.0	Tạm	
11	2410130029	Lê Hoàng	Nguyên	11/01/2006	C26TA				
12	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<i>et</i>	5.0	Năm	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA	<i>Phú</i>	5.0	Năm	
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<i>Phan</i>	7.0	Bây	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<i>Phượng</i>	5.5	Năm, năm	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<i>Quách</i>	5.0	Năm	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<i>Thịnh</i>	7.8	Bây, tạm	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<i>Thông</i>	5.0	Năm	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<i>Thu</i>	7.0	Bây	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<i>Tham</i>	5.5	Năm, năm	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<i>Thùy</i>	6.0	Sau	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<i>Thư</i>	7.0	Bây	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<i>Thương</i>	5.5	Năm, năm	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<i>Ti</i>	7.5	Bây, năm	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<i>Th</i>	8.3	tạm, ba	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<i>Trân</i>	6.3	Sau, ba	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	C26TA		5.0	Năm	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	C26TA		6.3	Sáu ba	
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	C26TA		6.5	Sáu năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 1 Số bài thi: 28 / 29.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Grammar 2 - MH1105025

Mã lớp học phần: 24311MH110502501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 25/6/25 Giờ thi: Phòng thi:

Giám thị 1: Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130017	Nguyễn Thị Xuân Hương	31/01/2004	C25TA		5.0	Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 4 vắng thi: 0 Số bài thi: 1/1

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Grammar 2 - MH1105025

Mã lớp học phần: 24311MH110502501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 25/6/25 Giờ thi: Phòng thi:

Giám thị 1: Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210130026	Đặng Nguyễn Kim Hằng	27/06/2004	C24TA				L2

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 0 vắng thi: 1. Số bài thi: /.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

PHÒNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Grammar 2 - MH1105025

Mã lớp học phần: 24311MH110502501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 11/6/25 Giờ thi: Phòng thi:

Giám thị 1: Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ,	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<i>Đạt</i>	6.8	Sáu, tám	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<i>Trung</i>	7.8	Bảy, tám	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	C26TA	<i>huy</i>	6.3	Sáu, ba	
4	2410130031	Lâm Quốc	Huy	24/05/2006	C26TA	<i>huy</i>	5.0	Năm	
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<i>Huy</i>	5.0	Năm	
6	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<i>Huy</i>	8.5	Tám, năm	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<i>huynh</i>	5.0	Năm	
8	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<i>Hỷ</i>	5.0	Năm	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<i>on</i>	6.5	Sáu, năm	L2
10	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<i>Ngoc</i>	7.0	Bảy	
11	2410130029	Lê Hoàng	Nguyên	11/01/2006	C26TA				L2
12	2410130022	Tô Hồng Tri	Nhân	22/07/2002	C26TA	<i>ca</i>	5.0	Năm	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA	<i>phai</i>	5.0	Năm	
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<i>Phuc</i>	5.0	Năm	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<i>phuong</i>	5.0	Năm	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<i>Qu</i>	5.0	Năm	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<i>Thinh</i>	6.5	Sáu, năm	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<i>th</i>	5.0	Năm	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<i>thue</i>	6.8	Sáu, tám	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<i>tru</i>	5.0	Năm	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<i>thuy</i>	5.0	Năm	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<i>thư</i>	5.0	Năm	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<i>Thương</i>	7.0	Bảy	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<i>ti</i>	5.0	Năm	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<i>tru</i>	7.3	Bảy, ba	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<i>tru</i>	5.0	Năm	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006	C26TA	Tú	5.0	Năm	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006	C26TA	Việt	5.3	Năm, ba	
29	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006	C26TA	như	7.3	Bảy, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 1 Số bài thi: 28 / 29

Ngày: 11 tháng 6 năm 2021

Ngày: 11 tháng 6 năm 2021

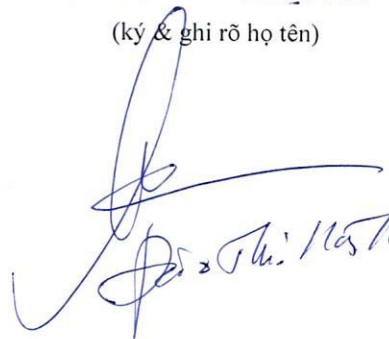
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Đoàn Thị Cẩm Tú


Đoàn Thị Cẩm Tú

ĐƯỢC

1/1

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Grammar 2 - MH1105025

Mã lớp học phần: 24311MH110502501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130017	Nguyễn Thị Xuân Hương	31/01/2004	C25TA		5.0	Nam	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / _____.Ngày 11 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Grammar 2 - MH1105025

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110502501 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210130026	Đặng Nguyễn Kim Hằng	27/06/2004	C24TA				42

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 0 vắng thi: 1. Số bài thi: 0 / 1.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025

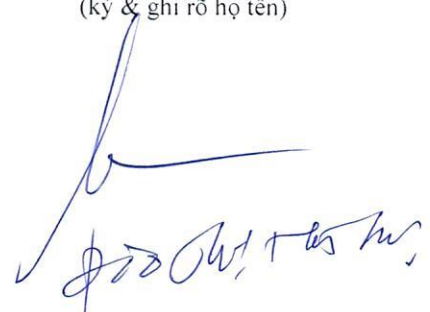
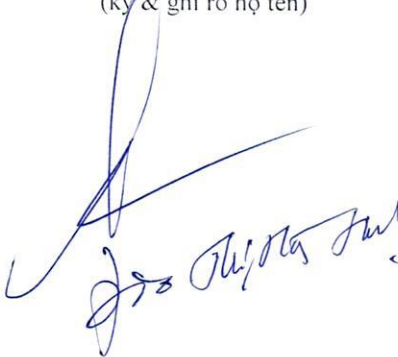
Ngày 11 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG CAO ĐẲNG B.C CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Grammar 2 - MH1105025

Mã lớp học phần: 24311MH110502501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh

Ngày thi: 24/07/2025

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ký tên:

Giám thị 2: Dương Minh Tâm

Ký tên:

Giám thị 3: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	Đạt				C26TA	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	Hiếu				C26TA	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	Huy				C26TA	
4	2410130031	Lâm Quốc	Huy	24/05/2006	Huy				C26TA	
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	Huy				C26TA	
6	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	Huy				C26TA	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	Hương				C26TA	
8	2410130017	Nguyễn Thị Xuân	Hương	31/01/2004	Hương				C25TA	
9	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	Hỷ				C26TA	
10	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	Mỹ				C26TA	
11	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	Ngọc				C26TA	
12	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	Nhân				C26TA	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	Phú				C26TA	
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	Phúc				C26TA	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	Phượng				C26TA	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	Quỳnh				C26TA	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	Thịnh				C26TA	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	Thông				C26TA	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	Thu				C26TA	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	Thuận				C26TA	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	Thùy				C26TA	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	Thư				C26TA	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	Thương				C26TA	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	Tiên				C26TA	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	Trang				C26TA	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	Trân				C26TA	
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006	Tú				C26TA	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006	Việt				C26TA	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006					C26TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 29 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 29 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 08 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

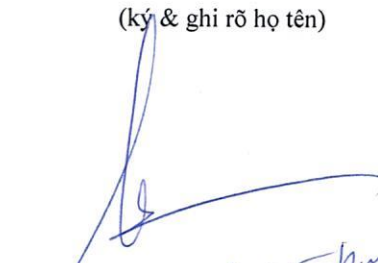
(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Quốc Cường

Ngày 29 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Đào Thị Liên Hương

TRƯỜNG CĐBC
PHÒNG K:
BẢO ĐẢM C.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Grammar 2

Mã bài thi: 0GWX6Q

Thời gian thi: 24/07/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 24/07/2025 16:15:00

Giám thị 1: N.T.N. Hoa Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: D.M. Tâm Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: T.N. Thu Ký tên: [Signature]
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh Đạt	12/04/2006	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C26TA	
2	2410130013	Trần Trung Hiếu	24/01/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TA	
3	2310130017	Nguyễn Thị Xuân Hương	31/01/2004	<u>[Signature]</u>	2.6	Hai, sáu	C25TA	
4	2410130025	Huỳnh Hương	19/03/2006	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26TA	
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng Huy	15/12/2004	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26TA	
6	2410130031	Lâm Quốc Huy	24/05/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26TA	
7	2410130032	Huỳnh Gia Huy	21/02/2006	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TA	
8	2410130033	Võ Khải Huy	22/07/2006	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TA	
9	2410130021	Đặng Phụng Hỷ	03/07/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26TA	
10	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc Mỹ	02/06/2006	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TA	
11	2410130034	Đặng Kim Ngọc	15/04/2006	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26TA	
12	2410130022	Tô Hồng Trí Nhân	22/07/2002	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C26TA	
13	2410130008	Trần Thiên Phú	08/10/2004	<u>[Signature]</u>	3.4	Ba, bốn	C26TA	
14	2410130009	Phan Văn Trọng Phúc	20/05/2004	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26TA	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim Phụng	26/08/2006	<u>[Signature]</u>	2.2	Hai, hai	C26TA	
16	2410130004	Quách Kim Quỳnh	02/04/1999	<u>[Signature]</u>	4.4	Bốn, bốn	C26TA	
17	2410130016	Lâm Quốc Thịnh	02/10/2006	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TA	
18	2410130027	Võ Minh Thông	14/12/2002	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26TA	
19	2410130020	Hoàng Thị Thu	26/03/1996	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C26TA	
20	2410130006	Nguyễn Lê Minh Thư	08/08/2006	<u>[Signature]</u>	3.6	Ba, sáu	C26TA	
21	2410130002	Trịnh Nam Thuận	08/03/2003	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26TA	
22	2410130001	Phạm Thu Thương	12/08/2005	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26TA	
23	2410130028	Nguyễn Phương Thùy	06/01/2006	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26TA	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	27/12/2006	<u>[Signature]</u>	3	Ba	C26TA	
25	2410130035	Trần Thị Quê Trân	07/01/2006	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26TA	
26	2410130003	Phạm Thị Thuỳ Trang	27/10/1980	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26TA	
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26TA	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26TA	
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	<u>[Signature]</u>	4.4	Bốn, bốn	C26TA	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 29

Số sinh viên đạt: 23

Ngày 08 tháng 7 năm 2025
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 24 tháng 7 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)